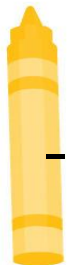




NHẮC NHỞ



- 8g00 thứ 2 (08/11/2021): KIỂM TRA GIỮA KÌ
- Nội dung: lí thuyết + bài tập từ bài 1 đến bài 6.



- Hình thức: trắc nghiệm (30 câu/ đề), 4 đề.
- Thời gian: 45 phút



ÔN TẬP

I. LÝ THUYẾT:

Câu 1: Khi nào một vật chuyển động, khi nào một vật đứng yên so với vật mốc?

Trả lời:

- Vật chuyển động: Khi *vị trí của vật thay đổi* theo thời gian so với vật mốc.
- Vật đứng yên: Khi *vị trí của vật không thay đổi* theo thời gian so với vật mốc.

Câu 2: Thế nào là chuyển động cơ? Kể một số chuyển động thường gặp?

Trả lời:

- Chuyển động cơ là sự thay đổi vị trí của vật này so với vật khác (vật mốc) theo thời gian.
- Chuyển động thẳng, chuyển động cong.

Câu 3: Tính tương đối của chuyển động và đứng yên là gì? Cho ví dụ.

Trả lời:

- Một vật có thể là ...**chuyển động**... so với vật này nhưng lại là ...**đứng yên**...so với vật khác.

Ví dụ: bạn học sinh chạy xe đạp.

- So với cây bên đường, bạn học sinh chuyển động vì vị trí bạn học sinh thay đổi so với cây bên đường.

- So với xe đạp, bạn học sinh đứng yên vì vị trí bạn học sinh không thay đổi so với xe đạp.

Câu 4: Độ lớn của vận tốc cho biết tính chất nào của chuyển động? Độ lớn của vận tốc được tính như thế nào? Dụng cụ đo độ lớn vận tốc là gì?

⇒ Độ lớn của vận tốc cho biết sự nhanh, chậm của chuyển động.

⇒ Độ lớn vận tốc được xác định bằng quãng đường vật đi được trong một đơn vị thời gian.

⇒ Độ lớn vận tốc được đo bằng tốc kế.

Câu 5: Viết công thức tính vận tốc. Cho biết tên gọi và đơn vị các đại lượng trong công thức.

$$v = \frac{s}{t}$$

- Trong đó:
- s: quãng đường đi được (km, m)
 - t: thời gian đi hết quãng đường đó (h, s)
 - v: vận tốc (km/h, m/s)

Câu 6: Cách đổi đơn vị:

| <u>Quãng đường</u> | <u>Thời gian</u> | <u>Vận tốc</u> |
|----------------------------------|---|---|
| $km \xrightarrow{\times 1000} m$ | $h \xrightarrow{\times 3600} s, s \xrightarrow{: 3600} h$ | $km / h \xrightarrow{: 3,6} m / s$ |
| $m \xrightarrow{: 1000} km$ | $phut \xrightarrow{\times 60} s, phut \xrightarrow{: 60} h$ | $m / s \xrightarrow{\times 3,6} km / h$ |

$$36km/h = 10 \text{ m/s}$$

$$15 \text{ m/s} = 54 \text{ km/h}$$

**Câu 7: Định nghĩa chuyển động đều và không đều.
Mỗi loại cho 1 ví dụ.**

Trả lời:

- Chuyển động đều là chuyển động mà vận tốc có *độ lớn không thay đổi* theo thời gian.

Ví dụ: Chuyển động của đầu cánh quạt máy khi quạt đang quay ổn định.

- Chuyển động không đều là chuyển động mà vận tốc có *độ lớn thay đổi* theo thời gian.

Ví dụ: Chuyển động của xe đạp khi xuống dốc.

Câu 8: Lực có những tác dụng gì?

Trả lời:

Lực có tác dụng: làm thay đổi chuyển động, làm vật bị biến dạng.

Câu 9: Kể tên các yếu tố của vectơ lực \vec{F} ?

Trả lời:

- Điểm đặt.

- Phương.

- Chiều.

- Cường độ.

Câu 10: Trình bày cách biểu diễn vectơ lực.

Trả lời:

Vectơ lực được biểu diễn bằng một mũi tên gồm:

- Góc: là điểm đặt của lực.
- Phương: trùng với phương của lực.
- Chiều: trùng với chiều của lực.
- Độ dài: biểu thị cường độ của lực theo một tỉ xích cho trước.

Câu 11: Thế nào là hai lực cân bằng?

Hai lực cân bằng là hai lực cùng đặt lên một vật, có cường độ bằng nhau, phương nằm trên cùng một đường thẳng và ngược chiều.

Câu 12: Nêu tác dụng của hai lực cân bằng lên vật đứng yên và vật chuyển động?

Dưới tác dụng của hai lực cân bằng:

- + Một vật đang đứng yên sẽ tiếp tục đứng yên.
- + Một vật đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều → chuyển động theo quán tính.

Câu 13: Quán tính là gì? Cho ví dụ.

Quán tính là tính chất của mọi vật không thể thay đổi vận tốc đột ngột khi có lực tác dụng.

Ví dụ: do quán tính

- Khi ô tô đột ngột rẽ phải, hành khách trên xe bị nghiêng về phía trái.
- Khi nhảy từ bậc cao xuống, chân ta bị gập lại.
- Bút tắc mực, ta vẩy mạnh, bút lại có thể viết tiếp được.
- Khi cán búa lỏng có thể làm chặt lại bằng cách gõ mạnh đuôi cán xuống đất.
- Đặt một cốc nước lên tờ giấy mỏng. Giật nhanh tờ giấy ra khỏi đáy cốc thì cốc vẫn đứng yên.

Câu 14: Khi nào có lực ma sát trượt? Cho ví dụ?

Lực ma sát *trượt* sinh ra khi một vật *trượt* trên bề mặt vật khác

Ví dụ: đánh diêm, bóp phanh xe, kéo đàn, trượt tuyết, chơi cầu trượt, lau nhà, lau bảng

Câu 15: Khi nào có lực ma sát lăn? Cho ví dụ?

Lực ma sát *lăn* sinh ra khi một vật *lăn* trên bề mặt vật khác

Ví dụ: xe chuyển động trên đường, viên bi/ quả bóng lăn trên sân,

Câu 16: Khi nào có lực ma sát nghỉ? Cho ví dụ?

Lực ma sát *ngủ* giữ cho vật không bị trượt khi vật bị tác dụng của lực khác.

Ví dụ: quyển sách đặt trên mặt phẳng nghiêng nhưng ko bị trượt, dùng tay đẩy xe ô tô nhưng ô tô vẫn đứng yên, xe ô tô nằm yên trên dốc

Câu 17: Lực ma sát có lợi hay có hại?

- Lực ma sát có thể có lợi và có thể có hại.

Câu 18: Cho ví dụ lực ma sát có lợi, nêu biện pháp tăng lực ma sát?

Vd1: lực ma sát nghỉ giữa phấn và bảng giúp phấn vào bảng tạo thành chữ viết.

➤ Biện pháp tăng lực ma sát: tăng độ nhám của bảng.

Vd2: lực ma sát trượt giữa bánh xe với mặt đường khi bóp phanh giúp cho nhanh chóng dừng lại.

➤ Biện pháp tăng lực ma sát: tăng độ sâu khía rãnh trên vỏ bánh xe.

Câu 19: Cho ví dụ lực ma sát có hại, nêu biện pháp giảm lực ma sát?

- Ví dụ: Lực ma sát trượt giữa xích và đĩa xe làm mòn xích và đĩa.
 - Giảm lực ma sát: tra dầu, mỡ, nhớt vào xích xe.
- Ví dụ: Lực ma sát trượt giữa trục bánh xe và vành bánh xe cản trở chuyển động của bánh xe.
 - Giảm lực ma sát: Chuyển lực ma sát trượt sang lực ma sát lăn bằng cách lắp ổ bi giữa trục và vành bánh xe.

Câu 1: Hãy chọn câu trả lời đúng: Một người ngồi trên đoàn tàu đang chạy thấy nhà cửa bên đường chuyển động. Khi ấy người đó đã chọn vật mốc là:

A. Toa tàu.

B. Bầu trời.

C. Cây bên đường.

D. Đường ray

Câu 2: So với cây bên đường, vật nào là *không* chuyển động?

A. Ô tô đang đi

B. Người đang chạy thể dục

C. Hòn đá

D. Người đi xe đạp

Câu 3: Có một vật mốc cố định, một vật thể nào được gọi là đứng yên.

A. Khoảng cách luôn thay đổi

B. Vị trí luôn thay đổi

C. Vị trí không thay đổi

D. Phụ thuộc vào thước

Câu 4: Độ lớn của vận tốc có thể cho ta biết gì về chuyển động của vật?

A. Cho biết hướng chuyển động của vật.

B. Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.

C. Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm.

D. Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.

Câu 5: Công thức tính tốc độ là:

A. $v = t/s$

B. $v = s/t$

C. $v = s.t$

D. $v = t + s$

Câu 6: Chuyển động của phân tử hydro ở 0°C có vận tốc 1692 m/s , của vệ tinh nhân tạo của Trái Đất có vận tốc 8000 m/s . Hỏi chuyển động nào nhanh hơn?

- A. Chuyển động của phân tử hydro nhanh hơn.
- B. Chuyển động của vệ tinh nhân tạo của Trái Đất nhanh hơn.
- C. Hai chuyển động bằng nhau.
- D. Không xác định được.

Câu 7: Một người đi trên đoạn đường S_1 mất thời gian là t_1 , và đi trên đoạn đường S_2 mất thời gian là t_2 . Vậy vận tốc trung bình của người trên cả hai đoạn đường này được tính bằng công thức:

A. $v_{TB} = \frac{S_1 + S_2}{t_1 + t_2}$

B. $v_{TB} = \frac{S_1}{t_1} + \frac{S_2}{t_2}$

C. $v_{TB} = \frac{S_1 \cdot S_2}{t_1 \cdot t_2}$

D. $v_{TB} = \frac{S_1 - S_2}{t_1 - t_2}$

Câu 8: Khi nói đến tốc độ của các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô, xe lửa, máy bay... người ta nói đến

A. Tốc độ tức thời.

B. Tốc độ trung bình.

C. Tốc độ lớn nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

D. Tốc độ nhỏ nhất có thể đạt được của phương tiện đó.

Câu 9: Chuyển động *không đều* là chuyển động mà

- A. Vận tốc không đổi trong suốt quãng đường đi.
- B. Vận tốc có độ lớn không đổi trong suốt quãng đường đi.
- C. Vận tốc có độ lớn thay đổi trong suốt quãng đường đi.
- D. Vận tốc thay đổi trong suốt quãng đường đi.

Câu 10: Khi chỉ có một lực tác dụng lên vật thì vận tốc của vật đó sẽ như thế nào?

A. Vận tốc không thay đổi

B. Vận tốc tăng dần

C. Vận tốc giảm dần

D Có thể tăng dần và cũng có thể giảm dần.

Câu 11: Kết luận nào sau đây *không* đúng?

A. Lực là nguyên nhân duy trì chuyển động.

B. Lực là nguyên nhân khiến vật thay đổi chuyển động.

C. Lực là nguyên nhân khiến vật thay đổi vận tốc.

D. Một vật bị biến dạng là do lực tác dụng vào nó.

Câu 12: Trường hợp nào dưới đây cho ta biết khi chịu tác dụng của lực vật vừa bị biến dạng vừa bị biến đổi chuyển động.

A. Gió thổi cành lá đung đưa

B. Sau khi đập vào mặt vợt quả bóng tennis bị bật ngược trở lại

C. Một vật đang rơi từ trên cao xuống

D. Khi hãm phanh xe đạp chạy chậm dần

Câu 13: Véc tơ lực được biểu diễn như thế nào?

- A. Bằng một mũi tên có phương, chiều tùy ý.
- B.** Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực, có độ dài biểu thị cường độ của lực theo tỉ xích cho trước.
- C. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực.
- D. Bằng một mũi tên có phương, chiều trùng với phương, chiều của lực, có độ dài tùy ý biểu thị cường độ của lực.

Câu 14: Lực là một đại lượng vectơ vì:

- A. Lực có điểm đặt, độ lớn, phương và chiều.
- B. Lực làm cho vật chuyển động.
- C. Lực làm cho vật biến dạng.
- D. Lực làm cho vật thay đổi vật tốc.

Câu 15: Cặp lực nào sau đây tác dụng lên một vật làm vật đang đứng yên, tiếp tục đứng yên?

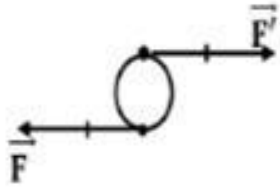
A. Hai lực cùng cường độ, cùng phương.

B. Hai lực cùng phương, ngược chiều.

C. Hai lực cùng phương, cùng cường độ, cùng chiều.

D Hai lực cùng cường độ, có phương nằm trên cùng một đường thẳng, ngược chiều.

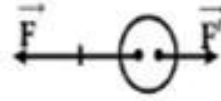
Câu 16: Cặp lực nào trong hình bên dưới là cặp lực cân bằng?



a)



b)



c)



d)

A. Trong hình a.

B. Trong hình a và b.

C. Trong hình c và d.

D. Trong hình d.

Câu 17: Trong các chuyển động sau chuyển động nào là chuyển động do quán tính?

A. Hòn đá lăn từ trên núi xuống.

B. Xe máy chạy trên đường.

C. Lá rơi từ trên cao xuống.

D Xe đạp chạy sau khi thôi không đạp nữa.

Câu 18: Khi xe ô tô đang chuyển động trên đường đột ngột phanh (thắng gấp). Hành khách trên xe bị xô về phía trước là do

A. ma sát

B. quán tính

C. trọng lực

D. lực đẩy

Câu 19: Nếu vật chịu tác dụng của các lực không cân bằng thì các lực này *không thể* làm vật

A. Đang chuyển động sẽ chuyển động nhanh lên.

B. Đang chuyển động sẽ chuyển động chậm lại.

C. Đang chuyển động sẽ tiếp tục chuyển động thẳng đều

D. Bị biến dạng.

Câu 20: Khi xe đạp, xe máy đang xuống dốc, muốn dừng lại một cách an toàn nên hãm phanh (thắng) bánh nào?

A. bánh trước

B bánh sau.

C. đồng thời cả hai bánh

D. bánh trước hoặc bánh sau đều được.

Câu 21: Một vật đang đứng yên trên mặt phẳng nằm ngang. Các lực tác dụng vào vật cân bằng nhau là:

- A. Trọng lực P của Trái Đất với lực ma sát F của mặt bàn.
- B. Trọng lực P của Trái Đất với lực đàn hồi.
- C. Trọng lực P của Trái Đất với lực nâng N của mặt bàn.
- D. Lực ma sát F với lực nâng N của mặt bàn.

Câu 22: Cốc nước được đặt đứng yên trên mặt bàn. Các lực tác dụng vào cốc cân bằng nhau là:

- A. Trọng lực P của Trái Đất với lực ma sát F của mặt bàn.
- B. Trọng lực P của Trái Đất với lực đàn hồi.
- C. Trọng lực P của Trái Đất với lực nâng N của mặt bàn.
- D. Lực ma sát F với lực nâng N của mặt bàn.

Câu 23: Trong các trường nào sau đây lực xuất hiện *không phải* là lực ma sát?

A. Lực xuất hiện khi lốp xe trượt trên mặt đường.

B. Lực xuất hiện làm mòn đế giày.

C. Lực xuất hiện khi lò xo bị nén hay bị dãn.

D. Lực xuất hiện giữa dây cuaroa với bánh xe truyền chuyển động.

Câu 24: Một vật đặt trên mặt bàn nằm ngang. Dùng tay búng vào vật để truyền cho nó một vận tốc. Vật sau đó chuyển động chậm dần vì

A. trọng lực

B. quán tính

C. lực búng của tay

D. lực ma sát

Câu 25: Lực ma sát trượt xuất hiện trong trường hợp nào sau đây?

- A. Lực ma sát giữa các viên bi với ổ trục xe đạp, xe máy.
- B. Lực ma sát giữa cốc nước đặt trên mặt bàn với mặt bàn.
- C. Lực ma sát giữa lốp xe với mặt đường khi xe đang chuyển động.
- D.** Lực ma sát giữa má phanh với vành xe.

Câu 26: Một vật đang nằm yên trên mặt phẳng nằm ngang. Khi tác dụng lên vật một lực có phương nằm ngang, hướng từ trái sang phải, cường độ $2N$ thì vật vẫn nằm yên. Lực ma sát nghỉ tác dụng lên vật khi đó có

- A.** phương nằm ngang, hướng từ phải sang trái, cường độ bằng $2N$.
- B. phương nằm ngang, hướng từ trái sang phải, cường độ bằng $2N$.
- C. phương nằm ngang, hướng từ phải sang trái, cường độ lớn hơn $2N$.
- D. phương nằm ngang, hướng từ trái sang trái, cường độ lớn hơn $2N$.

Câu 26: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào là đúng khi nói về chuyển động cơ học?

A. Chuyển động cơ học là sự dịch chuyển của vật.

B. Chuyển động cơ học là sự thay đổi vị trí của vật này so với vật khác theo thời gian.

C. Chuyển động cơ học là sự thay đổi vận tốc của vật.

D. Chuyển động cơ học là chuyển dời vị trí của vật

Câu 27: Khi nói chiếc ô tô trên đường đang chuyển động thì vật mốc được chọn là

A. Người lái xe

B. Khách ngồi trong xe

C. Các bộ phận của xe

D Cột điện bên đường

Câu 28: Chọn đáp án đúng: Vận tốc phụ thuộc vào

A. quãng đường vật chuyển động

B. thời gian vật chuyển động

C. khối lượng vật chuyển động

D. quãng đường và thời gian vật chuyển động hết quãng đường đó

Câu 29: Đại lượng nào sau đây cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động?

A. Quãng đường.

B. Thời gian chuyển động.

C. Vận tốc.

D. Khoảng cách từ vật đến vật mốc

Câu 30: Trong các phát biểu sau về độ lớn vận tốc, phát biểu nào sau đây đúng:

- A. Độ lớn vận tốc tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.
- B. Độ lớn vận tốc tính bằng quãng đường đi được trong một ngày.
- C. Độ lớn vận tốc tính bằng quãng đường đi được trong một phút.
- D. Độ lớn vận tốc tính bằng quãng đường đi được trong một giờ.

Câu 31: Vận tốc của ô tô là 45km/h, của người đi xe máy là 36km/h, của tàu hỏa là 50km/h và của máy bay là 900km/h . Sắp xếp các phương tiện trên theo thứ tự chuyển động nhanh dần là

A. Ô tô – xe máy – tàu hỏa – máy bay

B. Tàu hỏa – ô tô – xe máy – máy bay

C. Ô tô – tàu hỏa – xe máy – máy bay

D. Xe máy – ô tô – tàu hỏa – máy bay

Câu 32: Trong các câu nói về vận tốc dưới đây câu nào sai?

A. Vận tốc cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động

B. Độ lớn của vận tốc được tính bằng quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

C. Công thức tính vận tốc là: $v = s.t$

D. Độ lớn của vận tốc phụ thuộc vào quãng đường và thời gian vật đi hết quãng đường đó.

Câu 33: Chuyển động đều là chuyển động mà

A. Vận tốc không đổi trong suốt quãng đường đi.

B. Vận tốc có độ lớn không đổi trong suốt quãng đường đi.

C. Vận tốc có độ lớn thay đổi trong suốt quãng đường đi.

D. Vận tốc thay đổi trong suốt quãng đường đi.

Câu 34: Vận tốc của chuyển động không đều được gọi là

A. Vận tốc nhanh dần đều

B. Vận tốc trung bình

C. Vận tốc không đều

D. Vận tốc chậm dần đều

Câu 35: Công thức tính vận tốc trung bình trên quãng đường gồm 2 đoạn s_1 và s_2 là

A. $v = \frac{s_1}{t_1}$

B. $v = \frac{s_2}{t_2}$

C. $v = \frac{v_1 + v_2}{2}$

D. $v = \frac{s_1 + s_2}{t_1 + t_2}$

Câu 36: Sử dụng cụm từ thích hợp để điền vào chỗ trống: là nguyên nhân làm thay đổi vận tốc của chuyển động.

A. Vector

B. Thay đổi

C. Vận tốc

D Lực

Câu 37: Muốn biểu diễn một vectơ lực chúng ta cần phải biết các yếu tố:

A. Phương, chiều

B. Điểm đặt, phương, chiều.

C. Điểm đặt, phương, độ lớn.

D Điểm đặt, phương, chiều, độ lớn.

Câu 38: Khi chỉ chịu tác dụng của hai lực cân bằng

- A. Vật đang đứng yên sẽ chuyển động nhanh dần đều.
- B. Vật đang chuyển động sẽ dừng lại.
- C. Vật đang chuyển động đều sẽ không chuyển động đều nữa.
- D. Vật đang đứng yên sẽ đứng yên, hoặc vật đang chuyển động sẽ chuyển động thẳng đều mãi.

Câu 39: Hai lực cân bằng là:

- A. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có chiều ngược nhau.
- B. Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có chiều ngược nhau, có phương nằm trên hai đường thẳng khác nhau.
- C. Hai lực cùng đặt vào hai vật khác nhau, cùng cường độ, có phương cùng trên một đường thẳng, có chiều ngược nhau.
- D.** Hai lực cùng đặt vào một vật, cùng cường độ, có phương cùng trên một đường thẳng, có chiều ngược nhau.

Câu 40: Vì sao hành khách ngồi trên ô tô đang chuyển động thẳng bỗng thấy mình bị nghiêng sang bên trái?

- A. Vì ô tô đột ngột giảm vận tốc.
- B. Vì ô tô đột ngột tăng vận tốc.
- C. Vì ô tô đột ngột rẽ sang trái.
- D.** Vì ô tô đột ngột rẽ sang phải.

Câu 41: Khi có lực tác dụng, mọi vật đều không thể thay đổi vận tốc đột ngột được vì mọi vật đều có:

A. ma sát

B. trọng lực

C. quán tính

B. đàn hồi

Câu 42: Quan sát các đôi giày đã đi, các đế giày bị mòn là do

- A. Người đó có trọng lượng lớn
- B. Giày bị mòn là do lực ma sát khi đi tiếp xúc với mặt đường**
- C. Người có trọng lượng nhẹ
- D. Do bước chân không đều

Câu 43: Một ô tô đang chuyển động trên mặt đường, lực tương tác giữa bánh xe với mặt đường là:

A. ma sát trượt

B. ma sát nghỉ

C. ma sát lăn

D. lực quán tính

Câu 44: Trường hợp nào sau đây xuất hiện lực ma sát trượt?

A. Viên bi lăn trên cát.

B. Bánh xe đạp chạy trên đường.

C. Trục ổ bi ở xe máy đang hoạt động.

D. Khi viết phấn trên bảng

Câu 45: Lực ma sát nào giúp ta cầm quyển sách không trượt khỏi tay ?

A. Lực ma sát trượt.

B. Lực ma sát nghỉ.

C. Lực ma sát lăn.

D. Lực ma sát trượt và lực ma sát nghỉ

Câu 46: Lực nào sau đây *không phải* là lực ma sát?

A. Lực xuất hiện khi bánh xe trượt trên mặt đường.

B. Lực xuất hiện khi lốp xe đạp lăn trên mặt đường.

C. Lực của dây cung tác dụng lên mũi tên khi bắn.

D. Lực xuất hiện khi các chi tiết máy cọ xát với nhau

Câu 47: Chọn đáp án đúng. Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi

- A.** quyển sách để yên trên mặt bàn nằm nghiêng.
- B. ô tô đang chuyển động, đột ngột hãm phanh (thắng).
- C. quả bóng bàn đặt trên mặt nằm ngang nhẵn bóng.
- D. xe đạp đang xuống dốc.

Câu 48: Trường hợp nào sau đây lực ma sát *không phải* là lực ma sát lăn?

- A. Lực ma sát giữa các viên bi trong ổ trục quay.
- B. Lực ma sát giữa bánh xe và mặt đường khi đi trên đường.
- C. Lực ma sát giữa các con lăn và mặt đường khi chuyển vật nặng trên đường.
- D. Lực ma sát giữa khăn lau với mặt sàn khi lau nhà.

Câu 49: Trường hợp nào sau đây xuất hiện lực ma sát lăn?

A. Lực ma sát giữa má phanh và vành bánh xe khi phanh xe.

B. Lực ma sát khi đánh diêm.

C. Lực ma sát tay cầm quả bóng.

D. Lực ma sát giữa bánh xe với mặt đường.

Câu 50: Trường hợp nào sau đây xuất hiện lực ma sát nghỉ?

A. Kéo trượt cái bàn trên sàn nhà.

B. Quả dừa rơi từ trên cao xuống.

C. Chuyển động của cành cây khi gió thổi.

D. Chiếc ô tô nằm yên trên mặt đường dốc.

Câu 51: Đơn vị của vận tốc phụ thuộc vào:

A. đơn vị chiều dài

B. đơn vị thời gian

C. đơn vị chiều dài và đơn vị thời gian.

D. đơn vị khối lượng

Câu 52: Đơn vị nào sau đây không phải là đơn vị của vận tốc?

A. m/s

B. km/h

C. kg/m³

D. m/phút

Câu 53: Trong các chuyển động sau đây, chuyển động nào là chuyển động đều?

A. Chuyển động của người đi xe đạp khi xuống dốc

B. Chuyển động của ô tô khi khởi hành

C Chuyển động của đầu kim đồng hồ

D. Chuyển động của đoàn tàu khi vào ga

Câu 54: Chuyển động nào sau đây là chuyển động đều?

A. Vận động viên trượt tuyết từ dốc núi xuống.

B. Vận động viên chạy 100m đang về đích.

C. Máy bay bay từ Hà Nội vào Hồ Chí Minh.

D. Chuyển động của đầu cánh quạt khi quạt quay ổn định.

Câu 55: Chuyển động nào sau đây là chuyển động không đều?

A. Cánh quạt quay ổn định.

B. Chiếc bè trôi theo dòng nước với vận tốc 5 km/h.

C Tàu ngầm đang lặn sâu xuống nước.

D. Chuyển động của vệ tinh địa tĩnh quanh Trái Đất